

Số: 881/QĐ-HVYDHCTVN

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn Cứ Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo đại học, phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quy định xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Điều 2. Kinh phí cho hoạt động xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, các quy định trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Đào tạo đại học, Đào tạo sau đại học, Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Hành chính - Tổng hợp, Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Tổ chức cán bộ, Tài chính kế toán, Trung tâm Đổi mới và Đào tạo theo nhu cầu xã hội, các Khoa, Bộ môn, Mô đun các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch HĐT (đề b/c)
- Ban Giám đốc (đề b/c);
- Đăng Website, Evtm;
- Lưu VT, ĐTDH, SDH.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Huy

QUY ĐỊNH

Xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 881/QĐ-HVYDHCTVN ngày 29 tháng 9 năm 2021
2021 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định xây dựng, thẩm định, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra (CDR) các chương trình đào tạo của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam (sau đây gọi chung là Học viện).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Văn bản này được áp dụng đối với các đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo của Học viện, bao gồm: phòng Quản lý chất lượng, phòng Đào tạo đại học, phòng Đào tạo sau đại học, các Khoa, Bộ môn, Mô đun.

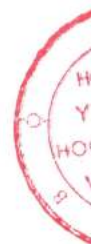
Điều 3. Các khái niệm, thuật ngữ

Chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp;

Chuẩn đầu ra của học phần/module là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp mà người học đạt được sau khi hoàn thành học phần/module.

Chương trình đào tạo (CTĐT) là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp là khả năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, đạo đức nghề



nghiệp và tâm huyết với nghề; bao gồm kiến thức, kỹ năng, tính chủ động sáng tạo trong giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành, chuyên ngành tương ứng đối với mỗi trình độ đào tạo.

Các bên liên quan đến cơ sở giáo dục bao gồm sinh viên, học viên (người học), giảng viên, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý, nhà tuyển dụng lao động, các nhà khoa học, cựu người học, cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, tổ chức, cán nhân có liên quan khác.

Triết lý giáo dục là một tập hợp các quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động giáo dục.

Điều 4. Mục đích xây dựng chuẩn đầu ra

1. Thể hiện cam kết của Học viện về chất lượng đào tạo; cung cấp thông tin cho người học, nhà tuyển dụng và xã hội biết để thực hiện cũng như giám sát về năng lực của người học sau khi hoàn thành một khóa học hay CTĐT.

2. Giúp Học viện làm căn cứ xây dựng, đổi mới nội dung, kết cấu CTĐT, phương pháp dạy - học, kiểm tra đánh giá và các điều kiện đảm bảo chất lượng khác.

3. Giúp xác định rõ nghĩa vụ và nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên, kỹ thuật viên trong các hoạt động giảng dạy, phục vụ giảng dạy và quản lý nhằm giúp người học vươn lên trong học tập, tự học để đạt CĐR.

4. Giúp người học lập kế hoạch học tập, lựa chọn các học phần/module và tham gia giám sát quá trình giảng dạy.

5. Tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Học viện, đơn vị sử dụng lao động và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động, hội nhập quốc tế.

Điều 5. Yêu cầu Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Phải rõ ràng và thiết thực, thể hiện kết quả học tập mà người tốt nghiệp cần đạt được về hiểu biết chung và năng lực cốt lõi ở trình độ đào tạo, những yêu cầu riêng của lĩnh vực, ngành đào tạo.

2. Phải đo lường, đánh giá được theo các cấp độ tư duy làm căn cứ thiết kế, thực hiện và cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và cấp văn bằng cho người học.

3. Phải nhất quán với mục tiêu của chương trình đào tạo, thể hiện được sự đóng góp rõ nét đồng thời phản ánh được những yêu cầu mang tính đại diện cao của giới tuyển dụng và các bên liên quan khác.

4. Phải chỉ rõ bậc trình độ cụ thể và đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực cần thiết theo quy định cho bậc trình độ tương ứng theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

5. Phải bảo đảm tính liên thông với chuẩn đầu vào của trình độ đào tạo cao hơn (nếu có), đồng thời tạo cơ hội liên thông ngang giữa các chương trình cùng trình độ đào tạo, nhất là giữa các chương trình thuộc cùng nhóm ngành hoặc cùng lĩnh vực.

6. Phải được cụ thể hóa một cách đầy đủ và rõ nét trong chuẩn đầu ra của các học phần và thành phần trong chương trình đào tạo, đồng thời được thực hiện một cách có hệ thống qua liên kết giữa các học phần và các thành phần.

7. Phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khối lượng chương trình để phần lớn người học đã đáp ứng chuẩn đầu vào có khả năng hoàn thành của chương trình đào tạo trong thời gian tiêu chuẩn.

Điều 6. Các yêu cầu đối với xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra

1. CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan.

2. CDR của học phần/module góp phần đạt được CDR của CTĐT.

3. Nội dung các bài giảng góp phần đạt được CDR của học phần/module.

4. CDR của CTĐT phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với trình độ đào tạo, có tính khả thi và giúp phân biệt được giữa các trình độ trong cùng ngành đào tạo;

b) Được diễn đạt cụ thể, đơn giản, dễ hiểu;

c) Có thể đo lường, đánh giá được;

d) Được diễn đạt dưới hình thức hành động (dùng các động từ hành động).

5. CDR của học phần:

Ngoài các yêu cầu như đối với CDR của CTĐT, cần:

a) Được diễn đạt dưới dạng câu đơn;

b) Hạn chế viết CDR dùng các động từ chỉ năng lực tư duy bậc thấp.

6. Sử dụng thang năng lực của Benjamin Bloom (bản cải tiến) trong xây dựng và điều chỉnh CDR.

7. CDR của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai hai (02) năm một lần.

Điều 7. Nội dung của chuẩn đầu ra

1. CDR bao gồm tối thiểu các nội dung theo yêu cầu của Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam. Cụ thể gồm:

- Kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết.

- Kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử.

- Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn.

2. Đối với trình độ đại học: người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức

lý thuyết toàn diện về ngành đào tạo, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; có kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành đào tạo, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.

a) Yêu cầu về kiến thức gồm có:

- Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.

- Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật.

- Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

- Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.

- Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

b) Yêu cầu về kỹ năng gồm có:

- Kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp.

- Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

- Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

- Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

- Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể và phức tạp.

- Có năng lực ngoại ngữ 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

c) Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm gồm có:

- Làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

- Lập kế hoạch, điều phối, quản lý nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các nguồn lực.

3. Đối với trình độ thạc sĩ: người học có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong phạm vi ngành đào tạo; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng công nghệ thông tin phù hợp trong lĩnh

vực học thuật và nghề nghiệp; kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong các lĩnh vực chuyên môn, có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi; có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp.

a) Yêu cầu về kiến thức gồm có:

- Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.

- Kiến thức liên ngành có liên quan.

- Kiến thức chung về quản trị, quản lý.

b) Yêu cầu về kỹ năng gồm có:

- Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.

- Kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.

- Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.

- Kỹ năng nghiên cứu, phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.

- Có năng lực ngoại ngữ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

c) Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm gồm có:

- Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.

- Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.

- Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.

- Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

4. Đối với trình độ tiến sĩ: người học có kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu của chuyên ngành đào tạo; có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; có kỹ năng tư duy, nghiên cứu độc lập, độc đáo, sáng tạo tri thức mới; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; thể hiện năng lực sáng tạo, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia.

a) Yêu cầu về kiến thức gồm có:

- Kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực khoa học.

- Kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực của chuyên ngành đào tạo.

- Kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới.

- Kiến thức về quản trị tổ chức.

b) Yêu cầu về kỹ năng gồm có:

- Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển.

- Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn.

- Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.

- Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển.

- Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu và phổ biến các kết quả nghiên cứu.

c) Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm gồm có:

- Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới.

- Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.

- Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác.

- Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong công việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm, sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.

Chương II

TỔ CHỨC XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, ĐÁNH GIÁ, CẬP NHẬT

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 8. Tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra

Quy trình xây dựng CDR gồm 8 bước:

Bước 1: Thành lập Hội đồng xây dựng chuẩn đầu ra CTĐT; tổ chức họp, thảo luận và thống nhất về kế hoạch xây dựng CDR.

Khoa, Bộ môn (đơn vị đào tạo) phối hợp với phòng Đào tạo đại học/ phòng Đào tạo sau đại học lập kế hoạch xây dựng và đề xuất thành lập Hội đồng xây dựng chuẩn đầu ra là những người am hiểu về ngành/chuyên ngành đào tạo và có năng lực xây dựng và phát triển CTĐT bao gồm: đại diện đơn vị chuyên môn, đại diện phòng Đào tạo đại học/ phòng Đào tạo sau đại học; phòng Quản lý chất lượng; một số giảng viên đứng ngành/chuyên ngành đào tạo, một số nhà khoa học và các thành phần liên quan khác theo yêu cầu của ngành/chuyên ngành đào tạo. Đơn vị đào tạo trình báo cáo Ban Giám đốc qua phòng Đào tạo đại học/ phòng Đào tạo sau đại học về kế hoạch xây dựng, chỉnh sửa chuẩn đầu ra cho ngành/chuyên ngành đào tạo. Phòng Đào tạo đại học/phòng Đào tạo sau đại học báo cáo phòng Tổ chức cán bộ để trình Giám đốc thành lập Ban soạn thảo Chuẩn đầu ra CTĐT.

Bước 2: Hội đồng xây dựng chuẩn đầu ra CTĐT tổ chức thảo luận và thống nhất về mục tiêu, nội dung, cấu trúc, kế hoạch thời gian, cách thức triển khai, các nguồn lực và giao nhiệm vụ cho các đơn vị liên quan và cá nhân chịu trách nhiệm trong việc xây dựng chuẩn đầu ra.

Xây dựng Dự thảo CDR chương trình đào tạo dựa trên:

- Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu giáo dục/triết lý giáo dục của Học viện;
- Mục tiêu của CTĐT;
- Khung trình độ Quốc gia Việt Nam;
- Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Kết quả khảo sát nhu cầu xã hội và các bên liên quan;
- Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Các tiêu chuẩn nghề nghiệp: chuẩn năng lực Bác sĩ đa khoa, Bác sĩ Y học cổ truyền, Dược sĩ, Điều dưỡng,...
- Chuẩn đầu ra hiện hành trong nước và quốc tế của ngành;
- Các tiêu chuẩn nghề nghiệp quốc tế (nếu có).

Trong quá trình dự thảo CDR, cần xây dựng ma trận tương quan giữa CDR dự kiến với mức độ đáp ứng giữa CDR của CTĐT so với yêu cầu CDR trong Khung trình độ Quốc gia Việt Nam (Phụ lục 1); mức độ đáp ứng CDR đối với các tiêu chuẩn và tầm nhìn, sứ mạng của Học viện và nhu cầu của người sử dụng lao động (Phụ lục 2).

Bước 3: Hội đồng xây dựng chuẩn đầu ra CTĐT tổ chức lấy ý kiến về Dự thảo CDR chương trình đào tạo.

a) Nội dung: Lấy ý kiến của các bên liên quan về nội dung CDR bao gồm kiến thức, kỹ năng và các mức năng lực đạt được của người học được nêu trong CDR.

b) Đối tượng: Các nhà khoa học, giảng viên, các nhà sử dụng lao động, cựu người học và người học.

c) Hình thức:

- Hội thảo khoa, hội thảo các cơ sở y tế v.v...
- Khảo sát bằng phiếu điều tra trực tiếp hoặc qua email, mạng xã hội.

Bước 4: Hội đồng xây dựng chuẩn đầu ra CTĐT phân tích kết quả lấy ý kiến, khảo sát và hoàn thiện CDR chương trình đào tạo.

Bước 5: Tổ chức hội thảo lấy ý kiến phản biện CDR.

a) Các đối tượng lấy ý kiến phản biện bao gồm: đại diện Ban Giám hiệu, phòng Đào tạo đại học/phòng Đào tạo sau đại học, phòng Quản lý chất lượng, lãnh đạo Khoa, Bộ môn, Mô đun và cán bộ giảng viên trong Khoa, Bộ môn, Mô đun;

b) Đối sánh Khung trình độ quốc gia, quy định về năng lực tối thiểu và tiêu chuẩn kiểm định, chuẩn năng lực nghề nghiệp (nếu có);

c) Rà soát sự phù hợp của CĐR với mục tiêu đào tạo.

Bước 6: Công bố Dự thảo CĐR chương trình đào tạo trên Website của Học viện để cán bộ quản lý, các nhà khoa học, giảng viên, người học, các nhà sử dụng lao động, cựu người học trong và ngoài Học viện cho ý kiến đóng góp.

Bước 7: Hội đồng xây dựng chuẩn đầu ra CTĐT tiếp thu, hoàn thiện trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện thẩm định. Phòng Đào tạo đại học/ phòng Đào tạo sau đại học trình Giám đốc phê duyệt CĐR chương trình đào tạo. Học viện công bố CĐR trong bản mô tả chi tiết CTĐT, trên Website của Học viện, trong Sổ tay sinh viên (Phụ lục 3).

Bước 8: Các Khoa, Bộ môn, Module xây dựng bảng ma trận mức độ đóng góp của bài giảng để đạt được CĐR (Phụ lục 4); Tập hợp CĐR của các học phần, module xây dựng bảng ma trận mức độ đóng góp của các học phần, module để đạt được CĐR của CTĐT (Phụ lục 5).

Điều 9. Tổ chức rà soát, cập nhật và điều chỉnh chuẩn đầu ra

Quy trình rà soát, cập nhật và điều chỉnh CĐR gồm 8 bước:

Bước 1: Thành lập Ban rà soát, cập nhật và điều chỉnh CĐR của CTĐT (sau đây gọi chung là tổ công tác).

Khoa, Bộ môn (Đơn vị đào tạo) làm tờ trình báo cáo Ban Giám đốc qua phòng Đào tạo đại học/phòng Đào tạo sau đại học về kế hoạch hoàn thiện chuẩn đầu ra cho ngành/chuyên ngành đào tạo và đề xuất Ban rà soát, cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra.

Bước 2: Tổ công tác tổ chức thảo luận và thống nhất về mục tiêu, nội dung, cấu trúc, kế hoạch thời gian, cách thức triển khai, các nguồn lực và giao nhiệm vụ cho cá nhân và tập thể chịu trách nhiệm chính trong việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh CĐR.

Bước 3: Tổ công tác thảo luận thiết kế phiếu điều tra phù hợp với các đối tượng được hỏi và những thông tin cần thiết. Thực hiện điều tra khảo sát thu thập thông tin từ các đối tượng khác nhau bao gồm: giảng viên, chuyên gia đào tạo, nhà sử dụng lao động, cựu người học,...

Bước 4: Tổ công tác tiến hành rà soát, cập nhật, điều chỉnh CĐR dựa trên sự thay đổi các văn bản quy định của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, các tiêu

chuẩn đánh giá chất lượng quốc gia, quốc tế, tiêu chuẩn nghề nghiệp,... các kết quả khảo sát các bên liên quan của CTĐT về chất lượng đào tạo, kết quả đánh giá chất lượng CTĐT theo CĐR để hoàn thiện dự thảo CĐR của CTĐT.

Bước 5: Công bố dự thảo CĐR được điều chỉnh của các CTĐT trên Website của Học viện để cán bộ quản lý, nhà khoa học, giảng viên, người học, các nhà sử dụng lao động, cựu người học, các trường/khoa cùng khối ngành,... trong và ngoài Học viện cho ý kiến đóng góp; đối chiếu CĐR với các tiêu chí kiểm định chất lượng CTĐT và đối chiếu với yêu cầu vị trí công việc của ngành học.

Bước 6: Tổ công tác tiếp thu, hoàn thiện và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện thẩm định.

Bước 7: Phòng Đào tạo đại học/ phòng Đào tạo sau đại học trình Giám đốc Học viện phê duyệt CĐR. Học viện công bố CĐR bằng nhiều hình thức khác nhau (trên Website của Học viện, trong Sổ tay sinh viên,...) đồng thời cập nhật trong bản mô tả chi tiết chương trình đào tạo.

Bước 8: Căn cứ CĐR đã ban hành, các Khoa, Bộ môn, Module tổ chức rà soát CĐR học phần/mô đun đảm bảo CĐR các học phần/mô đun góp phần đạt được CĐR của CTĐT.

Điều 10. Cập nhật và cải tiến quy trình xây dựng và rà soát chuẩn đầu ra

Định kỳ hai (02) đến ba (03) năm một lần, phòng Quản lý chất lượng tổ chức đánh giá quy trình xây dựng và rà soát CĐR để làm căn cứ cải thiện chất lượng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Lưu trữ hồ sơ xây dựng và hoàn thiện chuẩn đầu ra

- Đơn vị đào tạo (Khoa, Bộ môn) có trách nhiệm lưu trữ minh chứng về việc xây dựng và hoàn thiện chuẩn đầu ra chương trình đào tạo gồm có: Kế hoạch tổ chức thực hiện, các biên bản họp, tài liệu liên quan đến hội đồng xây dựng và thẩm định, các tài liệu tham khảo, mẫu phiếu điều tra, kết quả điều tra, biên bản hội thảo, quyết định công bố CĐR.

- Phòng Đào tạo đại học/ phòng Đào tạo sau đại học lưu trữ bản công bố chuẩn đầu ra và các biên bản họp thẩm định cấp Học viện và bản sao các minh chứng liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện chuẩn đầu ra.

2. Phòng Quản lý chất lượng có trách nhiệm lập kế hoạch triển khai, hướng dẫn tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và tư vấn quá trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra.

3. Phòng Đào tạo đại học/phòng Đào tạo sau đại học, các Khoa, Bộ môn các phòng chức năng liên quan có trách nhiệm phối hợp để triển khai kế hoạch xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR các chương trình đào tạo của Học viện.

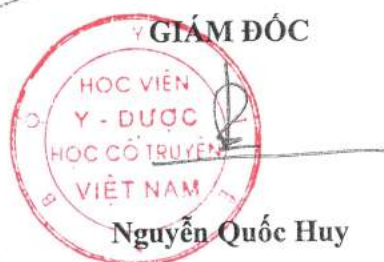
4. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện có trách nhiệm xem xét thông qua nội dung CĐR các chương trình đào tạo; trình Giám đốc Học viện phê duyệt.

5. Giám đốc Học viện kiểm tra, ký ban hành chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực từ ngày ký Quyết định ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này sẽ được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ mới./.



Phụ lục 1

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG GIỮA CDR CỦA CTĐT SO VỚI YÊU CẦU CDR TRONG KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA

| Khung trình độ quốc gia | | CDR của CTĐT |
|---------------------------|--|------------------------------|
| Kiến thức | Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo | CDR 1: CDR 2: |
| | Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật | |
| | Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc | |
| | Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể | |
| | Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn | |
| Kỹ năng | Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp | |
| | Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác | |
| | Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi | |
| | Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm | |
| | Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp | |
| | Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam | |
| Mức tự chủ và trách nhiệm | Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm | |
| | Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân | |
| | Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động | |

Phụ lục 2

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA CĐR ĐỐI VỚI CÁC TIÊU CHUẨN, TẦM NHÌN, SỬ MẠNG CỦA HỌC VIỆN VÀ NHU CẦU CỦA NHÀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 4 mức từ 1 - 4, trong đó:

Mức 1: Không đáp ứng

Mức 2: Đáp ứng một phần

Mức 3: Đáp ứng đầy đủ

Mức 4: Vượt hơn yêu cầu

| Chuẩn đầu ra CTĐT | Chuẩn nghề nghiệp (nếu có) | Tầm nhìn, sứ mạng của Học viện | Yêu cầu của nhà sử dụng lao động |
|----------------------|-------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|
| CĐR 1 | 2 | 4 | |
| CĐR 2 | 3 | 4 | |
| CĐR 3 | | | |
| | | | |
| CĐR n | | | |

Ma trận này dùng để rà soát mức độ đáp ứng các chuẩn tối thiểu của CĐR theo quy định của Khung trình độ quốc gia và các yêu cầu của các bên liên quan trong quá trình xây dựng, rà soát CĐR (nếu CĐR chưa bao phủ hết yêu cầu cần bổ sung), đồng thời để thấy được điểm khác biệt nổi trội của CTĐT trong năng lực của người học sau khi tốt nghiệp CTĐT khi viết báo cáo đánh giá CTĐT và quảng bá CTĐT.

Phụ lục 3

CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHUẨN ĐẦU RA (Tên chương trình đào tạo + ngành đào tạo)

1. Tên ngành đào tạo: Viết đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 đối với trình độ ĐH; Thông tư 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 đối với trình độ SĐH.

2. Trình độ đào tạo: đại học; thạc sĩ; tiến sĩ

3. Mục tiêu chương trình đào tạo

4. Yêu cầu chuẩn đầu ra: Thực hiện theo Điểm b Khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

4.1. Kiến thức

.....
.....
.....
.....

4.2. Kỹ năng

.....
.....
.....
.....

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

.....
.....

5. Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp:

.....

6. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường:

.....

7. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Học viện tham khảo

.....

VI
DU
ST
TT
*

Phụ lục 4

MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC BÀI GIẢNG ĐỂ ĐẠT CDR CỦA HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN

Mức độ đóng góp được mã hóa theo 3 mức từ 1 - 3, trong đó:

Mức 1: Thấp

Mức 2: Trung bình

Mức 3: Cao

| Bài giảng | Chuẩn đầu ra của học phần/module (ví dụ: BIOL 1001) | | | | | |
|-----------|---|------|------|-------|-------|-------|
| | CDR1 | CDR2 | CDR3 | CDR 4 | | CDR n |
| Bài 1 | 2 | ... | 3 | ... | | 3 |
| Bài 2 | 3 | 1 | 2 | 3 | | 2 |
| Bài 3 | | | | ... | | ... |
| | | | | | | |

Phụ lục 5

MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN ĐỂ ĐẠT CĐR CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mức độ đóng góp được mã hóa theo 3 mức từ 1 - 3, trong đó:

Mức 1: Thấp

Mức 2: Trung bình

Mức 3: Cao

| Mã học phần/module | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | | | |
|-----------------------|-----------------------------------|------|------|-------|-------|-------|
| | CĐR1 | CĐR2 | CĐR3 | CĐR 4 | | CĐR n |
| NUR 1001 | 2 | ... | 3 | ... | | 3 |
| MEDI 3108 | 3 | 1 | 2 | 3 | | 2 |
| MEDI 3111 | | | | ... | | ... |
| | | | | | | |



